

Bản án số: 438/2021/DS-PT

Ngày 06/5/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Việt Hồng

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Võ Thị Kim Thương

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

**- Thư ký Tòa án:** Bà Phan Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29/4/2021 và 06/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1217/2021/QĐXXPT-DS ngày 24/3/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 3986/TATP-TDS, ngày 20/4/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4474/2021/QĐPT-DS, ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ông Tất Cầm H, sinh năm: 1977**

Địa chỉ: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

**2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H.**

Địa chỉ: Đường X, Phường S, quận B. Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Anh T, sinh năm: 1969. (Có mặt)**

**Người đại diện theo ủy quyền cho công ty TNHH xây dựng cơ khí H:  
Luật sư Đặng Tấn P, sinh năm: 1978;**

Địa chỉ: Đường T, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Bà Nguyễn Thị M**

Địa chỉ: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Mai: Ông Tất Cẩm H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

**4. Người làm chứng:**

**- Ông Nguyễn Văn N**

Địa chỉ: Khu phố M, phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

**- Ông Võ Văn C**

Địa chỉ: Đường F, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**5. Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H**

**– Người đại diện theo pháp luật, ông Phan Anh T.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 và lời khai trong kết quả giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn (cũng là người đại diện cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M) ông Tất Cẩm H trình bày:*

Ngày 28/3/2016, ông Tất Cẩm H và công ty trách nhiệm quản lý xây dựng cơ khí H (Sau đây gọi tắt là Công ty H) đã ký hợp đồng thi công số 28/03/2016/HĐXDHL. Nội dung của hợp đồng: Công ty H thi công xây dựng cải tạo, sửa chữa công trình nhà ở số Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây viết tắt là nhà đất Đường Q, Phường M, quận G) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS 09432, ngày 15/8/2016. Thời gian thực hiện hợp đồng là 68 ngày (từ ngày 05/4/2016 đến ngày 12/6/2016). Giá trị của hợp đồng là 312.630.393 đồng. Nhà đất này ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị M được Ủy ban nhân dân quận G công nhận quyền sở hữu. Hiện nay, phần sửa chữa do Công ty xây dựng thêm đã được cập nhật vào Giấy chứng nhận.

Từ ngày 07/4/2016 đến ngày 13/7/2016, ông H đã ứng cho Công ty H số tiền 431.000.000 đồng. Ông H xác định số tiền này là tài sản chung của ông và bà M. Quá trình thực hiện đồng thi công, ông H tạm ứng tiền không theo thỏa thuận trong hợp đồng vì, công ty H nói ứng tiền là ông ứng. Mục tiêu là ứng nhanh cho Công ty H hoàn thành công việc để gia đình ông có chỗ ở. Cụ thể, ông đã ứng số tiền và thời gian như sau:

Ngày 07/4/2016, ông đã giao tiếp trực tiếp cho ông T 46.000.000 đồng;

Ngày 26/4/2016, ông đã giao dịch trực tiếp cho ông T 65.000.000 đồng;

Ngày 06/5/2016, ông đã giao dịch trực tiếp cho ông T 65.000.000 đồng;

Ngày 06/5/2016, ông đã giao cho anh T 65.000.000 đồng, giao bằng chuyển khoản theo bản sao kê chi tiền phát sinh ngày 06/5/2016;

Ngày 25/5/2016, ông giao cho ông T 40.000.000 đồng, giao tiền theo bản sao kê chi tiền phát sinh ngày 25/5/2016;

Ngày 04/6/2016, ông đã giao cho ông T 10.000.000 đồng, giao tiền theo bản sao kê phát sinh ngày 04/6/2016;

Ngày 04/6/2016, ông đã giao trực tiếp cho ông T 70.000.000 đồng;

Ngày 16/6/2016, ông đã giao cho ông T 10.000.000 đồng, giao tiền theo bản sao kê chi tiền phát sinh ngày 16/6/2016;

Ngày 25/6/2016 ông đã giao cho ông T 10.000.000 đồng, giao tiền theo phiếu chi phát sinh ngày 25/6/2016;

Ngày 27/6/2016 ông đã giao cho ông T 20.000.000 đồng, giao tiền theo phiếu chi phát sinh ngày 27/6/2016;

Ngày 13/7/2016 giao cho ông T 30.000.000 đồng, giao tiền theo bản sao kê chi tiền phát sinh ngày 13/7/2016.

Tổng số tiền mà ông H đã tạm ứng cho Công ty H là 431.000.000 đồng.

Hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng Công ty H chưa hoàn thành công trình nên ngày 01/8/2016 gia đình ông dọn vào ở, Công ty H tiếp tục triển khai các hạng mục chưa làm xong. Đến cuối tháng 8/2016, Công ty H ngưng không tiếp tục làm nữa. Lý do: Công ty H không đấu nối được phần điện, không khắc phục được các vết nứt và đọng nước trên sân thượng nên bỏ ngang công trình.

Sau đó, ông nhiều lần có văn bản gửi Công ty, yêu cầu Công ty tiếp tục hoàn thiện công trình nhưng Công ty không thực hiện

Hợp đồng thi công hai bên có ký tên kèm Phụ lục. Phụ lục hợp đồng hai bên ký 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản nhưng ông làm thất lạc nên không có cung cấp cho Tòa án.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu. Cụ thể:

1. Buộc Công ty hoàn thành các hạng mục còn lại, đồng thời sửa chữa khắc phục công trình nhà ở 618/61/7 như sau:

\* Hạng mục công trình chưa hoàn tất:

- Bóng đèn trần lầu 2 chưa gắn;
- Bơm tự động cho 2 máy bơm nước sinh hoạt không sử dụng được.
- Không sử dụng được máy bơm tự động 2 máy bơm nước sinh hoạt.

\* Một số hạng mục không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo Điều V của hợp đồng:

- Vết nứt giữa tường và tầng áp mái - phía sau;
- Vết nứt giữa tường và bê tông - mái trước;
- Nứt tường mái xuyên ngang nhà dài 5m – phía sau;
- Nứt tường tầng mái tum gây dột nước khi trời mưa;
- Sàn sân thượng đọng nước;

- Trần bê tông sân thượng bị nứt - mặt tiền;
- Trần bê tông sân thượng bị nứt - bên trong, -
- Tường tầng 3 bị nứt.

1. Buộc Công ty hoàn trả cho ông số tiền tạm ứng sau khi trừ đi phần hợp đồng giá trị thanh toán (431.000.000 đồng - 312.630.393 đồng) là 118.369.607 đồng.

2. Buộc công ty thanh toán cho ông số tiền phạt do thi công trễ theo điều VI của hợp đồng trong thời gian 1015 ngày (tính từ ngày 12/6/2016 đến ngày 25/3/2019) với mức phạt 0,1%/ ngày trên tổng giá trị hợp đồng là 317.319.849 đồng.

3. Ông yêu cầu Công ty H trả tiền cho ông tự sửa nhà.

4. Thời gian trả tiền là 01 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

***Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H do người đại diện theo pháp luật ông Phan Anh T và đại diện theo ủy quyền cho Công ty H có Luật sư Đặng Tấn P cùng trình bày:***

Ngày 28/3/2016, Công ty H và ông H đã ký hợp đồng thi công 28/03/2016/HĐXDHL.

Công ty H đã nhận ứng của ông H số tiền là 296.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 07/4/2016, ông nhận 46.000.000 đồng (tiền mặt);

Ngày 26/4/2016, ông nhận 65.000.000 đồng (tiền mặt);

Ngày 06/5/2016, ông nhận 65.000.000 đồng (chuyển khoản);

Ngày 04/6/2016, ông nhận 70.000.000 đồng (chuyển khoản 04 lần);

Ngày 27/6/2016, ông nhận 20.000.000 đồng (chuyển khoản);

Ngày 13/7/2016, ông nhận 30.000.000 đồng (chuyển khoản).

Tiền bảo hành 2% giá trị công trình, ông H chưa trả.

Công ty H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi động của ông H vì: Công ty H chỉ nhận ứng của ông H với số tiền 296.000.000 đồng. Mỗi khi ông H chuyển khoản tiền, ông H sẽ yêu cầu ông ký tên vào giấy nhận tiền chuyển khoản. Làm như vậy, số tiền nhận đôi mới thành số tiền 431.000.000 đồng; việc công trình chưa hoàn tất các hạng mục do ông H không cho thợ vào làm và việc công trình có các hạng mục cần sửa chữa không phải là lỗi của công ty H. Hợp đồng thi công, thời gian thỏa thuận là 68 ngày, từ ngày 05/4/2016 đến ngày 12/6/2016. Đến ngày 05/6/2016, Công ty H đã làm xong. Ngày 12/7/2016, gia đình ông H đã nhận nhà và dọn vào ở, nên công ty H không chậm trễ giao nhà. Về kiểm định chi phí, Công ty H không có lỗi, Công ty H không hoàn trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng có phần phát sinh thêm là sơn nước từ tầng hai xuống tầng trệt, gắn kiếng cường lực thêm phần mái nhà, làm cầu thang phía sau... Giá trị phát sinh hơn 100.000.000 đồng.

Đối với phần phát sinh, giữa ông H và Công ty H trao đổi với nhau bằng miệng, ông H yêu cầu xây dựng thêm thì Công ty H xây dựng chứ hai bên không có văn bản thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty H không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết phần phát sinh do Công ty H không có chứng cứ chứng minh.

Hồ sơ kết luận kiểm định công trình, công ty H đã nhận nhưng không có ý kiến gì.

Ông T thừa nhận: Giấy nhận tiền ghi ngày 07/4/2016, ngày 26/4/2016, ngày 06/5/2016 và ngày 04/6/2016 là do ông viết và ký tên.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng, ông Võ Văn C trình bày:*** Ngày 05/4/2016, ông có đến làm công nhân thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình nhà ở tại địa chỉ số 618/61/7.

Sau khi ông H nhận nhà và vào ở, ông ấy đã hoàn thiện các hạng mục còn lại, ông H không cho Công ty H vào hoàn thiện các hạng mục còn lại.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng, ông Nguyễn Văn N trình bày:*** Ông và ông T qua công việc làm ăn nên biết nhau. Đầu tháng 6/2016, ông T có kêu ông làm việc sơn nước cho công trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà tại địa chỉ số 618/61/7. Phần nước sơn có ông và anh Võ Văn C làm cho đến ngày ông H dọn vào căn nhà để ở vào khoảng tháng 7/2016. Sau khi ông H dọn vào ở ông còn dặm lại sơn của căn nhà từ tầng 02 xuống tầng trệt và mặt ngoài toàn bộ căn nhà và cổng nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tất Cầm H**

1.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Tất Cầm H về các hạng mục chưa hoàn thành bao gồm: Bóng đèn trần lầu 2; Bơm tự động cho 2 máy bơm nước sinh hoạt và yêu cầu buộc công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng khí H có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền phạt do thi công trễ theo hợp đồng VI của hợp đồng trong thời gian 1015 ngày (tính từ ngày 12/6/2016 đến ngày 25/3/2019) với giá trị 0,1% / ngày trên tổng giá trị hợp đồng là 317.319.849 đồng.

1.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H có nghĩa vụ trả lời ông Tất Cầm H và bà Nguyễn Thị M với số tiền 34.000.000 đồng để sửa chữa công trình nhà ở tại Đường Q, Phường M, quận G.

1.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tất Cẩm H và bà Nguyễn Thị M tiền chi phí kiểm định là 22.000.000 đồng theo biên lai số PT00373, ngày 11/3/2020.

1.4. Buộc trách nhiệm xây dựng cơ khí H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tất Cẩm H và bà Nguyễn Thị M số tiền là 118.369.607 đồng.

Tổng cộng, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H có nghĩa vụ trả lại ông Tất Cẩm H và bà Nguyễn Thị M số tiền là 174.369.607 (Một trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm lẻ bảy) đồng. Thời gian trả tiền là 01 (Một) tháng tính từ bản án ngày có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/02/2021, Ông Phan Anh T, là người đại diện theo pháp luật của Công ty H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Tất Cẩm H trình bày: Giá trị thực tế của hợp đồng mà hai bên thực hiện là số tiền 323.463.873 đồng theo phụ lục 02. Ngoài ra, ông H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty H. Yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo pháp luật cho Công ty H, ông Phan Anh T trình bày: Giá trị thực tế của hợp đồng mà hai bên thực hiện là số tiền 323.463.873 đồng theo phụ lục 02. Ngoài ra, ông T không đồng ý toàn bộ phần Quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 06/5/2016 là 65.000.000 đồng và giấy nhận tiền ngày 04/6/2016 là 70.000.000 đồng, các khoản tiền này ông T chỉ ký tái xác nhận lại chứ thực tế ông T không có nhận thêm tiền, quan hệ lúc ông T nhận tiền là quan hệ cá nhân giữa ông T và ông H chứ ông T không đại diện cho Công ty H. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Phan Anh K là thành viên góp vốn của Công ty H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K. Từ các lý do trên nên Công ty H đề nghị thay đổi yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại từ đầu.

- Người đại diện theo ủy quyền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí H có Luật sư Đặng Tấn P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông Phan Anh T và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

**1. Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng:**

Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

## **2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:**

- Đối với đương sự: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **3. Về nội dung vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 02 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Anh T.

Sửa bản án sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về tiền giao dư và án phí dân sự sơ thẩm.

## **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Xét kháng cáo của bị đơn Công ty H – Người đại diện theo pháp luật ông Phan Anh T và Người đại diện theo ủy quyền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí H có Luật sư Đặng Tấn P yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tất Cẩm H hoặc hủy bỏ bản án sơ thẩm để xét xử lại từ đầu, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty H do ông Phan Anh T – người đại diện theo pháp luật trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Văn N, ông Võ Văn C, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người làm chứng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và Phúc thẩm những tình tiết trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ nên Tòa án không triệu tập ông N và ông C đến Tòa án làm việc.

[2]. *Về nội dung*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Có cơ sở xác định giữa ông Tất Cẩm H và Công ty TNHH xây dựng cơ khí H có giao kết hợp đồng thi công số 28/03/2016/HĐXDHL, ngày 28/3/2016. Nội dung hợp đồng Công ty H nhận thi công công trình xây dựng theo hình thức cung cấp vật tư phần thô và nhân công hoàn thiện toàn bộ công trình theo phức lục hợp đồng đính kèm. Giá trị hợp đồng là 312.630.393 đồng giá trên chưa bao gồm 10% thuế VAT.

Theo phụ lục hợp đồng dự toán xây dựng, sửa chữa có 02 phụ lục có giá trị khác nhau:

- Phụ lục 1: Có giá trị dự toán: 333.202.211 đồng.  
Phần dự toán xây dựng là 321.301.961 đồng.  
Phần sửa chữa, cải tạo là 11.900.250 đồng.
- Phụ lục 02: Có giá trị dự toán: 02 phần là 323.463.873 đồng.  
Phần dự toán xây dựng: 311.563.623 đồng.  
Phần cải tạo, sửa chữa: 11.900.250 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn xác định giá trị thực tế của hợp đồng mà hai bên thực hiện là số tiền 323.463.873 đồng theo phụ lục 02.

Căn cứ vào các sao kê từ ngân hàng có trong hồ án vụ án thì ông Tất Cầm H trong quá trình thi công đã chuyển khoản cho ông Phan Anh T (Công ty H) số tiền 185.000.000 đồng và giao tiền mặt nhiều lần là 246.000.000 đồng. Tổng cộng, ông Phan Anh T (Công ty H) đã nhận từ ông Tất Cầm H là 431.000.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định ông Tất Cầm H đã giao chênh lệch dư cho ông Phan Anh T (Công ty H), (431.000.000 - 323.463.873) số tiền là 107.536.127 đồng chứ không phải số tiền là 118. 369.607 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Tất Cầm H và bị đơn Công ty H đồng ý căn cứ vào phụ lục 2 của hợp đồng có giá trị là 323.463.873 đồng so với hợp đồng chính 28/03/2016/HĐXDHL, ngày 28/3/2016 có giá trị 312.630.393 đồng. Như vậy, Công ty H thực nhận chênh lệch dư của ông H là (431.000.000 - 323.463.873) = 107.536.127 đồng. Đây là tình tiết mới của nguyên đơn và có lợi cho phía bị đơn nên việc sửa án không có lỗi của cấp sơ thẩm. Do vậy, việc ông H yêu cầu Công ty H hoàn trả lại số tiền chênh lệch dư là 107.536.127 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu khắc phục sửa chữa, ông H và công ty H cùng thống nhất: Ông H tự nguyện chịu 1/3 chi phí khắc phục, sửa chữa công trình tương đương 17.000.000 đồng, và 1/3 chi phí kiểm định là 11.000.000 đồng. Công ty tự nguyện chịu 2/3 chi phí sửa chữa với số tiền là 34.000.0000 đồng, 2/3 chi phí kiểm định với số tiền là 22.000.000 đồng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu của ông Phan Anh T (Công ty H) cho rằng ông Tất Cầm H đã chuyển khoản cho ông Phan Anh T (Công ty H) có 2 khoản tiền 65.000.000 đồng và 70.000.000 đồng, sau đó theo yêu cầu của ông H nên ông T ký tái xác nhận lại. Tuy nhiên, ông T (Công ty H) không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho hai khoản tiền trên chỉ là tái xác nhận lại nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cộng gộp số tiền chi phí thẩm định là 22.000.000 đồng vào số tiền nghĩa vụ hoàn trả của Công ty H để tính án phí sơ thẩm là không chính xác nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần án phí sơ thẩm.



Ngoài ra, kết luận của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 02 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Anh T (Công ty H).

Sửa bản án sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về tiền giao dư và án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn ( $107.536.127 + 34.000.000 = 141.536.127$  đồng) là 7.076.806 đồng.

Về án phí phúc thẩm đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Điều 147; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 138 Luật xây dựng năm 2015

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn – Công ty TNHH xây dựng cơ khí H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Tất Cẩm H về các hạng mục chưa hoàn thành bao gồm: Bóng đèn trần lầu 2; Bơm tự động cho 2 máy bơm nước sinh hoạt và yêu cầu buộc công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng khí H có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền phạt do thi công trễ theo hợp đồng VI của hợp đồng trong thời gian 1015 ngày (tính từ ngày 12/6/2016 đến ngày 25/3/2019) với giá trị 0,1% / ngày trên tổng giá trị hợp đồng là 317.319.849 đồng.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H (Người đại diện theo pháp luật ông Phan Anh T) có nghĩa vụ trả ông Tất Cẩm H và bà Nguyễn Thị M với số tiền 34.000.000 đồng để sửa chữa công trình nhà ở tại số Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tất Cẩm H và bà Nguyễn Thị M tiền chi phí kiểm định là 22.000.000 đồng theo biên lai số PT00373, ngày 11/3/2020.

- Buộc trách nhiệm xây dựng cơ khí H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tất Cẩm H và bà Nguyễn Thị M số tiền là 107.536.127 đồng.

Tổng cộng, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cơ khí H có nghĩa vụ trả lại ông Tất Cẩm H và bà Nguyễn Thị M số tiền là 163.536.127 (Một trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi bảy) đồng. Ngay khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho người được thi hành án với mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong số tiền nêu trên.

2/ Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng cơ khí H phải chịu 7.076.806 (Bảy triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm không sáu) đồng.

- Hoàn trả cho ông Tất Cẩm H 10.713.789 (Mười triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bảy trăm tám mươi chín) đồng số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0026646 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

3/ Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH xây dựng cơ khí H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH xây dựng cơ khí H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp số AA/2019/0027957 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Việt Hồng**

